TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN** Số: 24/2022/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quỳnh Lưu, ngày 15 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Số Q, đường T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hoài N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N theo Quyết định uỷ quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc đốc Ngân hàng TMCP B).

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Lê Văn N, sinh năm 1996 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản uỷ quyền số 1355/2022/UQ-LPB.NA ngày 01/8/2022 của giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N).

Địa chỉ: Số 20B, đường Cao Thắng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* 1. Anh Bùi T, sinh năm 1976.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Cùng nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP B thông qua Chi nhánh N tổng số tiền nợ là 282.421.198 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD4302020208 ngày 14/07/2020 (trong đó tiền gốc 239.994.958 đồng; tiền lãi trong hạn 3.035.761 đồng; tiền lãi quá hạn 39.129.320 đồng; tiến lãi phạt 261.159 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 07/12/2022, anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chưa thanh toán cho ngân hàng TMCP B cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD4302020208 ngày 14/07/2020.

2.2 Trường hợp anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa số 320 tờ bản đồ số 14 (119-72), (tức thửa đất số 927 theo Bản đồ địa chính), nay là thửa 273 tờ bản đồ số 24 theo bản đồ số; tại xóm 10, xã Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CQ 529676 do UBND Huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/01/2019, quyết định số 271/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: 01040/TC đứng tên anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D theo hợp đồng thế chấp số 152/2019/ HĐTC/CNNA ngày 26/6/2019 và hợp đồng sửa đổi lần 1 ngày 26/6/2019; hợp đồng sửa đổi lần 2 ngày 14/7/020 giữa ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N với anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thì anh Bùi T và chị Nguyễn Thị D phải trả tiếp số tiền còn thiếu cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm còn thừa sau khi đã thanh toán đầy đủ khoản nợ cho ngân hàng thì anh T, chị D được nhận lại.

2.3 Về án phí: Ngân hàng TMCP B và anh Bùi T, chị Nguyễn Thị D thỏa thuận anh T, chị D chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.060.000đ (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí 8.191.000đ (Tám triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012640 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS h.Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).